

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671001 - Toán ứng dụng 1

STC : 4(60,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Lê	Nghĩa	3475010164	02/09/1990	8,00	5,30	6,10	
2	Dương Ngọc	Thạch	3671030636	14/01/1993	7,00	4,50	5,30	
3	Hoàng Thiên	Quốc	3671040195	12/10/1994	8,50	2,50	4,30	
4	Phạm Hoàng	Phúc	3671050705	19/08/1994	7,50	6,30	6,70	
5	Trần Đăng	Phong	3672050168	28/02/1994	7,00	3,00	4,20	
6	Lê Gia	Huy	3771040003	06/01/1995	6,00	,50	2,20	
7	Lê Tấn	Lợi	3771040007	07/05/1995	3,50	1,50	2,10	
8	Huỳnh Quốc	Quân	3771040008	12/03/1995	7,50	1,50	3,30	
9	Bùi Như	Ý	3771040011	04/11/1993	,00	,00	,00	CT
10	Nguyễn Hoàng	Ân	3771040023	02/03/1995	5,50	3,50	4,10	
11	Nguyễn	Tâm	3771040027	26/07/1995	5,00	1,50	2,60	
12	Nguyễn Khánh	Linh	3771040044	14/01/1995	8,00	6,80	7,20	
13	Nguyễn Đình	Thảo	3771040046	18/02/1994	5,50	1,50	2,70	
14	Đoàn Minh	Quân	3771040049	04/02/1994	6,50	5,50	5,80	
15	Lê Xuân	Ngọc	3771040051	02/02/1995	5,50	7,50	6,90	
16	Ngô Hữu	Nghĩa	3771040055	19/12/1995	6,00	4,80	5,20	
17	Phạm Minh	Trực	3771040056	08/03/1995	7,50	5,00	5,80	
18	Nguyễn Văn	Minh	3771040058	19/12/1994	6,50	5,80	6,00	
19	Trần Anh	Kiệt	3771040064	23/08/1995	5,50	3,00	3,80	
20	Nguyễn Thanh	Chương	3771040076	21/08/1995	,00	,00	,00	CT
21	Nguyễn Quốc	Trường	3771040079	26/06/1993	,00	,00	,00	CT
22	Phan Ngọc	Cường	3771040080	01/12/1995	4,50	2,50	3,10	
23	Huỳnh Ngọc	Thanh	3771040085	30/03/1995	,00	,00	,00	CT
24	Nguyễn Thanh	Tuấn	3771040097	29/03/1995	5,50	3,00	3,80	
25	Võ Thái	Hiệp	3771040119	10/07/1995	4,00	1,50	2,30	
26	Nguyễn Trần Hữu	Tài	3771040143	26/10/1995	3,50	3,00	3,20	
27	Trần Thành	Nhiên	3771040144	05/07/1994	6,00	7,50	7,10	
28	Dương Trần Quốc	Tiến	3771040145	10/08/1995	6,00	1,00	2,50	
29	Phạm Tuấn	Anh	3771040159	09/01/1995	6,50	4,80	5,30	
30	Đặng An	Khương	3771040160	22/01/1994	,00	,00	,00	CT
31	Huỳnh Ngọc	Long	3771040181	10/04/1994	5,50	1,50	2,70	
32	Lê Minh	Thiên	3771040185	07/06/1995	9,00	2,80	4,70	
33	Võ Thanh	Toàn	3771040186	20/05/1995	4,50	3,50	3,80	
34	Mai Trọng	Chính	3771040194	11/11/1995	6,50	5,00	5,50	
35	Nguyễn Văn	Hồng	3771040200	06/02/1993	,00			

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Trần Công	Đức	3771040202	04/04/1994	6,50	6,50	6,50	
37	Đoàn Ngọc	Đông	3771040204	31/08/1995	6,50	5,50	5,80	
38	Đình Tuấn	Trình	3771040217	10/11/1995	,00	,00	,00	CT
39	Nguyễn Văn	Quý	3771040221	13/01/1995	6,50	2,00	3,40	
40	Nguyễn Trọng	Nghĩa	3771040229	04/09/1994	5,00	1,50	2,60	
41	Lê Văn	Tài	3771040253	07/05/1995	,00	,00	,00	CT
42	Phùng Văn	Trọng	3771040258	05/09/1995	4,50	2,00	2,80	
43	Nguyễn Thành	Thoại	3771040278	20/04/1995	5,00	4,50	4,70	
44	Trần Văn	Hải	3771040281	22/09/1995	5,00	3,00	3,60	
45	Nguyễn Đình	Kỳ	3771040285	25/01/1995	4,00	5,30	4,90	
46	Trần Văn	Luận	3771040287	15/07/1993	4,00	2,00	2,60	
47	Nguyễn Tuấn	Anh	3771040304	13/09/1994	4,00	4,50	4,40	
48	Nguyễn Duy	Anh	3771040310	10/04/1995	,00	,00	,00	CT
49	Phạm Việt	Anh	3771040317	05/06/1995	5,00			
50	Phạm Ngọc	Tuấn	3771040321	28/07/1987	4,00	3,50	3,70	
51	Nguyễn Văn	Hải	3771040355	25/02/1995	5,00	4,00	4,30	
52	Lê Tuấn	Đời	3771040358	15/05/1995	6,00	4,80	5,20	
53	Trịnh Văn	Hiền	3771040362	10/12/1995	6,00	3,50	4,30	
54	Lê Tấn	Hiệp	3771040375	21/09/1995	6,00	5,50	5,70	
55	Trần Đình	Khiếu	3771040388	18/12/1995	5,00	3,30	3,80	
56	Lại Đình	Khôi	3771040393	25/01/1995	1,00	3,30	2,60	
57	Phó Quý	Lân	3771040395	13/08/1994	5,50	4,50	4,80	
58	Ngô Hoài	Nhân	3771040402	25/10/1995	6,00	3,30	4,10	
59	Lê Huỳnh	Đức	3771040403	13/02/1995	1,00	3,50	2,80	
60	Nguyễn Đức	Anh	3771040406	04/12/1993	5,50	5,30	5,40	
61	Nguyễn Văn	Thương	3771040408	02/03/1995	,00	,00	,00	CT
62	Võ Minh	Chánh	3771040412	13/04/1994	2,50	2,00	2,20	
63	Nguyễn Minh	Tuấn	3771040418	07/09/1995	7,00	3,00	4,20	
64	Trần Văn	Khắc	3771040420	20/05/1995	7,00	9,00	8,40	
65	Thân Hoàng	Minh	3771040445	28/09/1995	4,50	4,00	4,20	
66	Hồ Văn	Hải	3771040467	29/12/1995	6,00	5,50	5,70	
67	Nguyễn Minh	Hiếu	3771040488	26/01/1995	,00	,00	,00	CT
68	Trịnh Đình	Đạt	3771040492	01/11/1995	4,00	2,30	2,80	
69	Lê Đức	Hải	3771040765	28/09/1994	2,50	4,80	4,10	
70	Nguyễn Hồng	Khanh	3771040948	24/05/1995	5,00	2,00	2,90	
71	Nguyễn Kim	Sen	3771040967	19/08/1994	4,50	5,30	5,10	
72	Võ Thanh	Huy	3771041063	13/10/1993	6,50	1,00	2,70	
73	Trương Quốc	Hải	3771041065	16/09/1995	6,00	3,50	4,30	
74	Đỗ Đình	Đức	3771041110	25/08/1993	7,00	4,30	5,10	
75	Nguyễn Minh	Nhật	3771041127	25/08/1995	5,00	3,50	4,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Phạm Nhựt	Lâm	3771041142	19/02/1994	4,00	4,50	4,40	
77	Nguyễn Hoài	Bảo	3771041146	10/12/1995	7,00	2,00	3,50	
78	Nguyễn Quang	Toà	3771041173	15/08/1995	7,00	3,50	4,60	
79	Võ Tấn	Vũ	3771041450	02/10/1995	8,00	6,80	7,20	
80	Nguyễn Đình	Thái	3771042039	25/12/1994	6,50	6,00	6,20	
81	Huỳnh Văn Phúc	An	3771050026	11/03/1995	3,00	4,00	3,70	
82	Nguyễn Thái	Linh	3771050568	27/09/1994	6,00	4,50	5,00	
83	Trần Chí	Cường	3771050657	10/07/1995	1,00	,00	,30	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)